

BỘ NGOẠI GIAO
Số: 10/2005/TT-BNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2005

THÔNG TƯ CỦA BỘ NGOẠI GIAO

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 06/2005/NĐ-CP
ngày 19 tháng 1 năm 2005 của Chính phủ quy định về việc lập và hoạt động
của**

**Văn phòng đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại
Việt nam**

Thi hành Nghị định số 06/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 1 năm 2005 của Chính phủ quy định về việc lập và hoạt động của Văn phòng đại diện (VPĐD) của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định), Bộ Ngoại giao hướng dẫn thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG: Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

- Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 06/2005/NĐ-CP về việc lập và hoạt động của VPĐD của các tổ chức nước ngoài nhằm hỗ trợ quá trình hợp tác, nghiên cứu trong các lĩnh vực chuyên ngành khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường, y tế, xã hội và một số lĩnh vực chuyên ngành khác giữa Chính phủ các nước và Việt Nam vì mục đích phi lợi nhuận.
- Thông tư này không áp dụng đối với việc lập và hoạt động của VPĐD của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu nước ngoài không trực thuộc Bộ, ngành hoặc chính quyền địa phương của nước ngoài.
- Cơ quan chủ quản phía Việt Nam là Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quan hệ đối tác trực tiếp với các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài (thuộc phạm vi tại Mục 1).
- Thông tư này không áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục.

II. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC CẤP PHÉP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

1. Việc cấp Giấy phép lập VPĐD được tiến hành sau khi tổ chức nước ngoài có chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt và có Văn bản Thỏa thuận (Agreement) hoặc Bản ghi nhớ (Memorandum of Understanding - MOU) về hợp tác được ký kết giữa tổ chức đó với cơ quan chủ quản phía Việt Nam theo các nội dung được quy định tại Điều 18 của Nghị định.
2. Số lượng cụ thể người nước ngoài và người Việt Nam làm việc tại VPĐD nêu tại Điều 6, Khoản 1 (d) thuộc Nghị định là số cán bộ chương trình và nhân viên làm việc thường xuyên tại Văn phòng trong thời hạn của Giấy phép.
3. Các cơ quan liên quan nêu tại Điều 8, Khoản 1 Nghị định được Bộ Ngoại giao tham khảo ý kiến khi tiến hành thủ tục quyết định cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và thu hồi giấy phép là các cơ quan quản lý Nhà nước về các lĩnh vực an ninh, tài chính và các chương trình, dự án.
4. Các tổ chức nước ngoài xin lập VPĐD, sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép lập VPĐD phải nộp các hồ sơ sau trên cơ sở bảo đảm có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 và 6 của Nghị định:
Hồ sơ xin lập VPĐD gồm:
 - (a) Đơn xin lập VPĐD, với nội dung theo Mẫu "Đơn xin phép lập VPĐD tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" do Bộ Ngoại giao ban hành (Mẫu số 01/BNG-VPĐD);
 - (b) Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của tổ chức nước ngoài xin lập VPĐD;
 - (c) Văn bản của Bộ, ngành hoặc chính quyền địa phương nước ngoài phụ trách cho phép tổ chức nước ngoài lập VPĐD tại Việt Nam;
 - (d) Văn bản xác nhận tư cách pháp nhân của tổ chức nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi đặt trụ sở chính cấp;
 - (e) Các chương trình, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phía Việt Nam phê duyệt;
 - (f) Tiểu sử của người dự kiến được cử làm Trưởng VPĐD tại Việt Nam;

(g) Thư giới thiệu hoặc quyết định bổ nhiệm làm Trưởng VPĐD tại Việt Nam của người đứng đầu Bộ, ngành hoặc chính quyền địa phương nước ngoài phụ trách tổ chức nước ngoài đó;

Hồ sơ xin sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy phép gồm:

(a) Đơn xin sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy phép với những nội dung chính sau:

- + Tên đầy đủ, địa chỉ của VPĐD.
- + Giấy phép thành lập VPĐD (số, ngày và cơ quan cấp).
- + Mục tiêu, nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động được quy định trong Giấy phép.
- + Lý do sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy phép.
- + Nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy phép.

(b) Các tài liệu giải trình kèm theo nhằm đảm bảo tính khả thi của việc sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn Giấy phép. Cụ thể:

- + Hồ sơ về nơi dự kiến làm trụ sở mới của VPĐD nếu là thay đổi trụ sở.
- + Sơ yếu lý lịch của người dự kiến làm Trưởng VPĐD mới nếu là thay đổi Trưởng VPĐD.
- + Văn bản các chương trình, dự án hoặc văn bản cam kết sửa đổi hoặc bổ sung về hợp tác giữa tổ chức nước ngoài với cơ quan chủ quản Việt Nam nếu mở rộng phạm vi và thời hạn hoạt động của VPĐD.

5. Về thu hồi Giấy phép:

Trên cơ sở đề nghị của một trong hai bên tham gia chương trình, dự án, Giấy phép lập VPĐD sẽ bị thu hồi trong các trường hợp sau: Hoạt động không phù hợp với nội dung ghi trong Giấy phép được cấp; vi phạm các quy định của Nghị định; vi phạm pháp luật Việt Nam; chương trình/dự án chấm dứt trước thời hạn.

III. TRÌNH TỰ CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

1. Tổ chức nước ngoài xin lập VPĐD, sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép phải làm 03 (Ba) bộ hồ sơ theo quy định tại Mục II, khoản 4 của Thông tư này và nộp trực tiếp cho Bộ Ngoại giao (Vụ các Tổ chức Quốc tế).

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có sổ theo dõi và trao giấy biên nhận khi nhận đầy đủ các hồ sơ hợp lệ.

2. Trước khi ban hành quyết định theo thẩm quyền, Bộ Ngoại giao lấy ý kiến của cơ quan chủ quản Việt Nam, các Bộ, cơ quan liên quan và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại địa phương nơi VPĐD dự kiến đặt trụ sở trong trường hợp cấp mới hoặc nơi đặt VPĐD trong trường hợp xin sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép. Trong trường hợp có các ý kiến khác nhau, Bộ Ngoại giao sẽ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc phê duyệt cấp, sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép. Bộ Ngoại giao thông báo kết quả xét duyệt tới tổ chức nước ngoài liên quan trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các hồ sơ hợp lệ.

3. Bộ Ngoại giao tham khảo ý kiến của cơ quan chủ quản Việt Nam, UBND tỉnh/thành phố nơi VPĐD đặt trụ sở, các Bộ, cơ quan liên quan về việc thu hồi Giấy phép của tổ chức nước ngoài. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo cho VPĐD, cơ quan chủ quản Việt Nam, các Bộ, cơ quan liên quan và UBND tỉnh/thành phố nơi VPĐD đó đặt trụ sở biết việc chấm dứt hoạt động của VPĐD trước 30 ngày khi VPĐD chấm dứt hoạt động do hết thời hạn ghi trong Giấy phép hoặc theo Quyết định thu hồi Giấy phép hoặc theo đề nghị của VPĐD đó.

4. Trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày Giấy phép hết hạn hoặc được thông báo chấm dứt hoạt động, VPĐD phải hoàn tất việc thanh lý xong các thủ tục giải thể liên quan đến trụ sở, nhà ở, người làm thuê, phương tiện làm việc, thanh toán các khoản nợ (nếu có), các nghĩa vụ tài chính và các vấn đề khác với tổ chức và cá nhân có liên quan tại Việt Nam. Trong trường hợp đặc biệt, được Bộ Ngoại giao và cơ quan chủ quản Việt Nam đồng ý, thời hạn này có thể được kéo dài, nhưng không quá một năm.

IV. CƠ CHẾ PHỐI HỢP GIỮA BỘ NGOẠI GIAO, CƠ QUAN CHỦ QUẢN, UBND TỈNH/THÀNH PHỐ NƠI TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI XIN LẬP VPĐD VÀ CÁC BỘ, CƠ QUAN LIÊN QUAN TRONG VIỆC CẤP, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP